

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2020

“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Truyền Bình

2. Ông Hoàng Minh Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 12/2020/TB-TA ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1995; Trú tại: 104/4 đường M, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phan Thanh Đ**, sinh năm 1991; Trú tại: 104/9 đường M, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020 và các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn – Phạm Thị Mỹ L trình bày: Bà và ông Phan Thanh Đ kết hôn với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống tại 104/9 đường M, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt qua đêm, nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã thậm chí ông Đ thường xuyên nạt nộ, chửi bới, dùng dao đe dọa bà. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Từ tháng 10/2019 đến nay bà bỗng con về sống tại nhà mẹ ruột tại 104/4 đường M, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Tuy hai bên gia đình gần nhau và cũng đã động viên, hòa giải để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng vẫn không có kết quả, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau.

Nay bà cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thanh Đ.

Về con chung: Giữa bà và ông Đ Có 01 con chung là Phan Ngọc Minh A, sinh ngày 03/12/2018. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi con chung. Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình hòa giải bà đều có yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu, không đề nghị ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại đơn trình ngày 15/6/2020 cũng như tại các phiên hòa giải ngày 15/6/2020 và 01/7/2020 bị đơn – ông Phan Thanh Đ trình bày:* Ông thống nhất với bà Phạm Thị Mỹ L về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa vợ chồng cũng như quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung, vợ chồng ông có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Minh A sinh ngày 03/12/2018, nếu giải quyết ly hôn thì nguyện vọng ông là được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

** Tại biên bản xác minh ngày 06/7/2020, địa phương nơi cư trú của ông Đ, bà L cung cấp:* Bà Phạm Thị Mỹ L và ông Phan Thanh Đ là vợ chồng hợp pháp, hiện đang sống tại địa phương. Quá trình chung sống thì bà L và ông Đ có mâu thuẫn, xuất phát từ bất đồng giữa hai bên gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay ông Đ và bà L không còn chung sống với nhau. Về con chung, địa phương xác nhận vợ chồng ông Đ, bà L có một con chung đúng như bà L, ông Đ trình bày. Về tài sản và nợ chung thì địa phương không nắm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đều có văn bản ghi ý kiến của mình và tham gia các phiên hòa giải nhưng không thống nhất với nhau về vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Mỹ L đã đến mức trầm trọng, kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và hiện nay không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa bị đơn Phan Thanh Đ vắng mặt lần thứ hai, điều này thể hiện ông Đ không còn thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L, cho bà L được ly hôn với ông Phan

Thanh Đ. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Phan Ngọc Minh A cho bà Phạm Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phan Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – ông Phan Thanh Đ cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, bị đơn cũng đã có văn bản phản hồi ý kiến của mình và tham gia các phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ L và ông Phan Thanh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, xung đột hai bên gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã động viên, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, chung sống với nhau. Bản thân ông Đ cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông vẫn không có động thái thiết thực để khuyên nhủ vợ về cùng chung sống mà vẫn sống ly thân. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa nhưng tại cả hai phiên tòa ông Đ đều vắng mặt, điều này thể hiện ý chí không muốn hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa Đ, bà L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà L, cho bà được ly hôn với ông Đông như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Giữa bà L và ông Đ có 01 con chung là Phan Ngọc Minh A, sinh ngày 03/12/2018. Quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông Đ đều có nguyện vọng nuôi con và không đề nghị cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên xét thấy, cháu Phan Ngọc Minh A hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, mẹ là Phạm Thị Mỹ L hiện có công việc, có thu nhập ổn định nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Phan Ngọc Minh A cho bà Phạm Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi, điều kiện tốt nhất cho cháu.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L đối với ông Phan Thanh Đ

* Xử:

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ L được ly hôn với ông Phan Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Ngọc Minh A, sinh ngày 03/12/2018 cho bà Phạm Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009109 ngày 25/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (*Bà L đã nộp đủ án phí*).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- UBND P. Thuận Phước, Q Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Công Quốc

